

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 01 - 2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2021/ TLST – HNGĐ ngày 23/11/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT và chỗ ở tại: tổ S, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1969; ĐKKHKT và chỗ ở tại: tổ S, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đều trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc T1 kết hôn vào năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian hiểu nhau khoảng 03 năm. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chị sống cùng với bố mẹ chồng đến năm 2002 thì chuyển ra ở riêng tại tổ S, khu S, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau kết hôn chỉ hạnh phúc được thời gian đầu cho đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu đến mức say xỉn, không làm chủ được hành vi của mình, thường xuyên có những lời nói xúc phạm đến chị, thậm chí còn đập phá nhiều đồ dùng phục vụ sinh hoạt trong gia đình, chị không dám sinh con thứ hai vì sợ vợ chồng không hạnh phúc làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung. Khi anh T1 tỉnh táo, chị cũng nhiều lần nói chuyện để anh T1 cai rượu, vợ chồng cùng làm ăn, phát triển kinh tế và nuôi dạy con chung nhưng anh T1 không thay đổi, chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi, luôn lo sợ khi phải sống chung với anh T1. Nhiều lần chị đã làm đơn xin ly

hôn anh T1 nhưng thương con còn nhỏ nên lại cố gắng chịu đựng và cho anh T1 cơ hội nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn anh T1 lại tiếp tục uống rượu và chửi mắng, xúc phạm chị cho đến tận đêm khuya làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tinh thần của chị, chị đã ghi lại trong điện thoại nhiều video về việc anh T1 say rượu chửi mắng, xúc phạm và đập phá đồ dùng sinh hoạt trong nhà. Tổ dân, khu phố và gia đình biết chuyện cũng đã hòa giải cho vợ chồng chị nhưng cũng không đạt kết quả, anh T1 vẫn chứng nào tật đó khiến tình cảm của chị dành cho anh T1 mất dần. Tại phiên tòa anh T1 cho rằng nguyên nhân chính khiến chị xin ly hôn là do mâu thuẫn giữa chị với gia đình nhà chồng là không đúng, thực tế do anh T1 không đem lại hạnh phúc cho chị từ nhiều năm nay nên chị muốn giải phóng cho bản thân mình. Từ tháng 8/2021 chị quyết định sống ly thân với anh T1, chị và con dọn đi nơi khác để ở không quan tâm đến cuộc sống của anh T1, chị không tìm biện pháp để hàn gắn khắc phục mâu thuẫn. Đến nay chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T1, mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất căng thẳng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: chị và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện nay con chung đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: chị và anh T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; công nợ chung chung: không có.

* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T1 đều vắng mặt nên không có bản tự khai và Tòa án cũng không hòa giải được. Tại phiên tòa anh T1 trình bày quan điểm như sau: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị T đã trình bày ở trên. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn hạnh phúc cho đến năm 2016 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi đi làm anh có tham gia cùng với đồng nghiệp uống rượu, bia, đôi khi có say nhưng không đến mức thường xuyên say xỉn mất kiểm soát như chị T đã trình bày, anh vẫn đi làm có thu nhập đảm bảo cuộc sống và còn giúp đỡ chị T trong sinh hoạt gia đình, đôi khi anh uống rượu về nhà chị T cũng có cản nhắc nhưng anh thấy đó là bình thường, không trầm trọng nên không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng anh cơ bản xuất phát từ việc chị T với mẹ chồng và giữa chị gái chị T với anh có khúc mắc với nhau, anh cũng đã hòa giải cho các bên nhưng không được, tuy nhiên không đến mức độ chị T phải làm đơn xin ly hôn anh. Từ tháng 8/2021 tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh căng thẳng hơn nên chị T quyết định sống ly thân với anh, chị T và con đi thuê nhà nơi khác để ở, anh cũng tìm nhiều biện pháp để khắc phục, đã nhắn tin, gọi điện thoại và đến chỗ ở của chị T để đề nghị vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không cho anh cơ hội. Đến nay tình cảm của anh dành cho chị T vẫn còn, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên chị T xin ly hôn anh không đồng ý mà đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ.

+ Về con chung: anh chị có một con chung đúng như chị T đã trình bày ở trên, hiện con chung đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh.

+ Về tài sản và công nợ chung: anh chị tự thỏa thuận đúng như chị T đã trình

bày ở trên; công nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn với anh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1 hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, thời gian đầu anh chị sống cùng gia đình nhà chồng, đến năm 2002 thì chuyển ra ở riêng 69, khu 6, phường C, thành phố C. Về thời gian chung sống hạnh phúc của hai anh chị khai không giống nhau, chị T có quan điểm từ sau khi kết hôn anh chị hạnh phúc đến năm 2002 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cơ bản là do anh T1 thường xuyên uống rượu đến mức say xỉn, không kiềm chế được bản thân thường chửi mắng, xúc phạm chị làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của cả gia đình, chị T khuyên can nhiều nhưng anh T1 không thay đổi, thời gian đầu chị T cố gắng chịu đựng vì thương con còn nhỏ, đến nay con đã trưởng thành nhưng anh T1 vẫn không cai được rượu, khiến không khí gia đình chị luôn căng thẳng và chị còn trong tình trạng lo sợ vì tình trạng say rượu của anh T1 ngày càng nặng hơn, tình cảm của chị T dành cho anh T1 không còn. Anh T1 thì cho rằng anh chị chung sống hạnh phúc, anh có uống rượu nhưng không làm gì ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, anh vẫn có việc làm và thu nhập đảm bảo cuộc sống, anh vẫn quan tâm đến gia đình, giúp đỡ chị T trong công việc nhà. Theo anh T1 nguyên nhân chính dẫn đến việc chị T xin ly hôn anh là do mâu thuẫn giữa chị T với mẹ chồng khiến tình cảm hai bên gia đình nội ngoại trở lên căng thẳng hơn, đây cũng chính là lý do chị T quyết định sống ly thân với anh. Từ khi sống ly thân anh cũng nhiều lần gặp gỡ chị T đề bàn bạc, hàn gắn mâu thuẫn nhưng chị T không thay đổi quan điểm. Tại phiên tòa, cả hai anh chị đều khẳng định đã sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, chị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh T1, anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp để vợ chồng khắc phục mà để mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của chị T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú “nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T1 thường xuyên uống rượu đến mức say xỉn không làm chủ được bản thân mình dẫn đến đập phá đồ đạc trong gia đình, ảnh hưởng đến cuộc sống của những người xung quanh và mất trật tự trị an khu phố.... Chị T là người chăm chỉ làm ăn, chịu khó xây dựng gia đình nhưng anh T1 lại đập phá tài sản....., khoảng hai tháng nay chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống.....”, do vậy chị T xin ly hôn anh T1 là có cơ sở.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 mà không chấp nhận yêu cầu về đoàn tụ gia đình của anh T1.

+ Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày xx/x/1999, hiện nay con chung đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận; công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Ngọc T1.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

